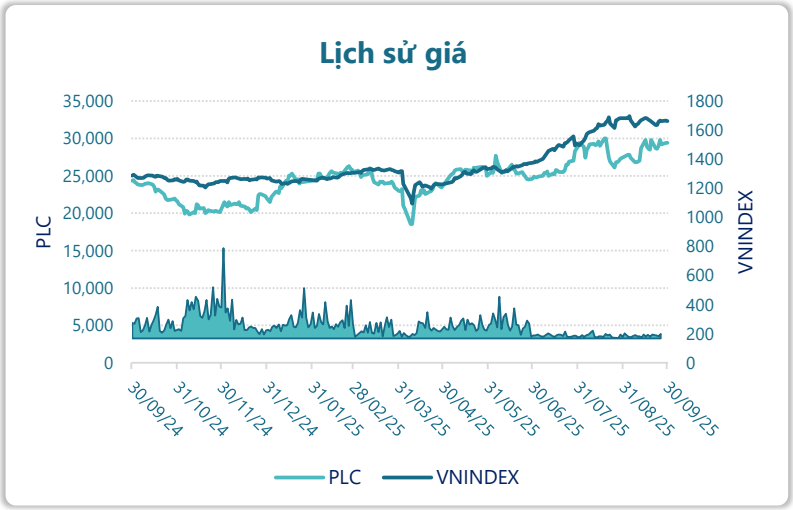
FireAnt

Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (HNX: PLC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**29,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,545
SL cổ phiếu LH	80,797,566
KLGD BQ 20 phiên (CP)	489,560
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,375
P/E	20.0
EPS	1,473

DT thuần

Q3/25

1,731

tỷ VNĐ

QoQ: ▼409| -19.1%

YoY: ▲ 263| 17.9%

LN sau thuế

Q3/25

31.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.70| -10.6%

YoY: ▲ 25.2| 381%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.8%

+/- YoY: ▲ 1.5%

DT thuần

9T 2025

5,782

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 974| 20.3%

LN sau thuế

9T 2025

98.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 75.8| 331%

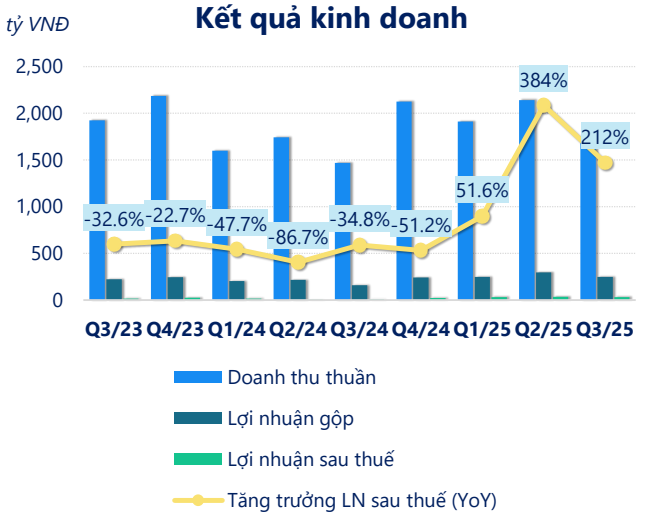
ROE

Q3/25

9.4%

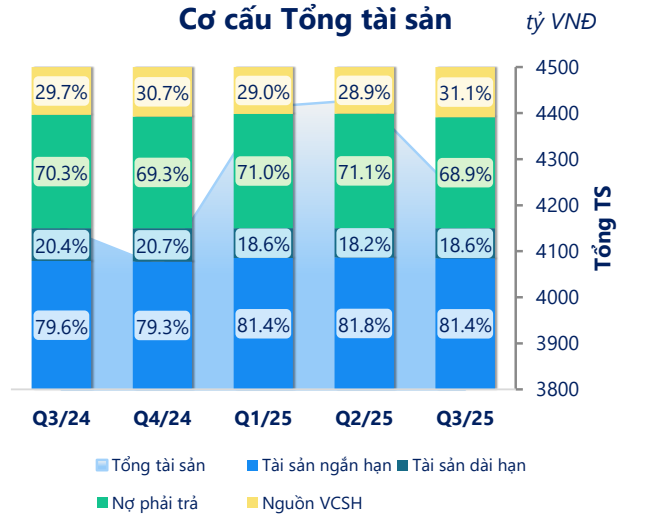
+/- YoY: ▲ 5.5%

Kết quả kinh doanh



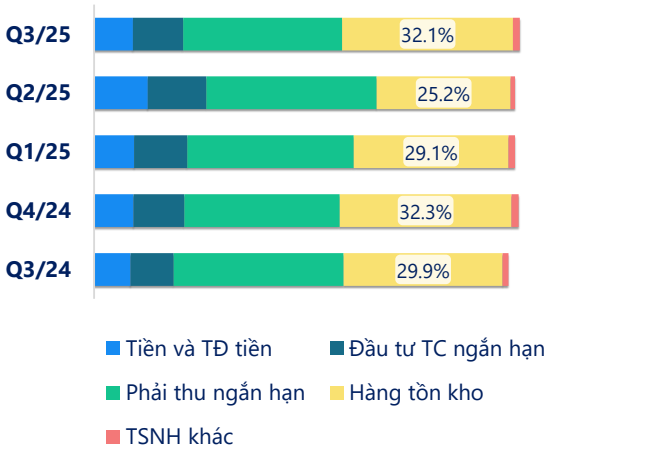
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



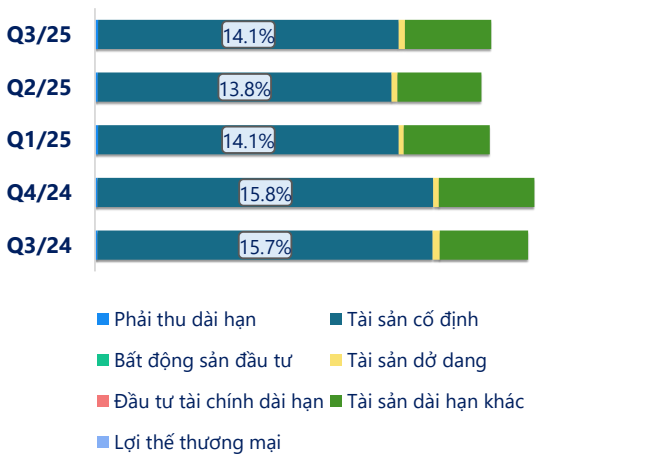
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



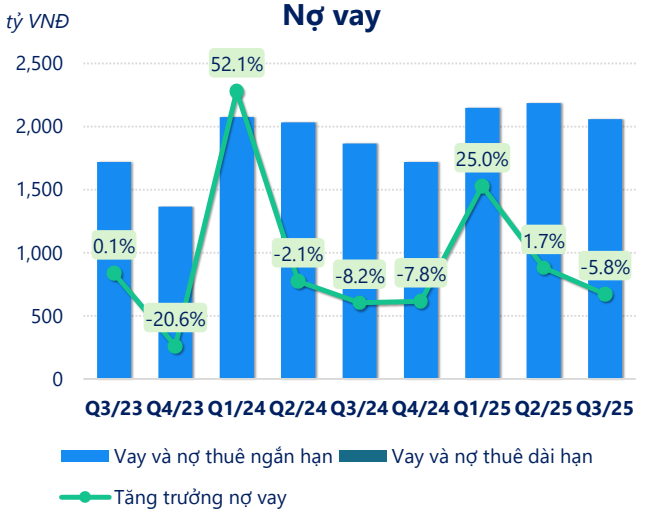
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



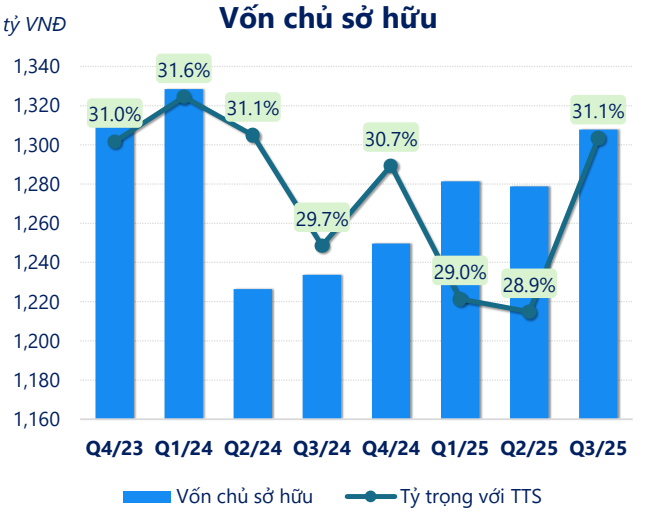
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



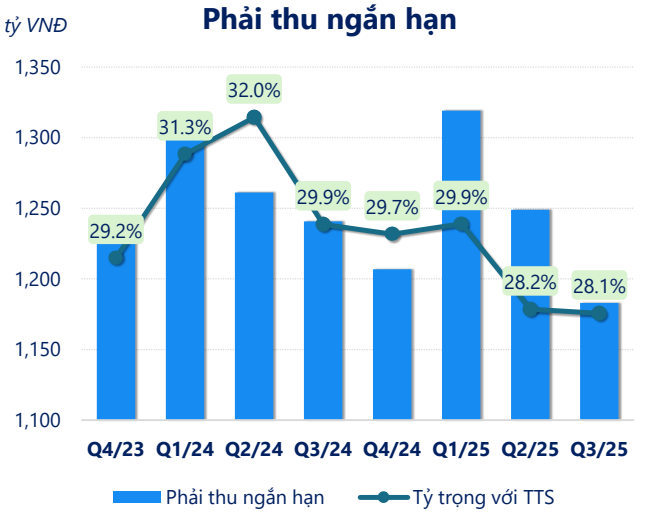
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



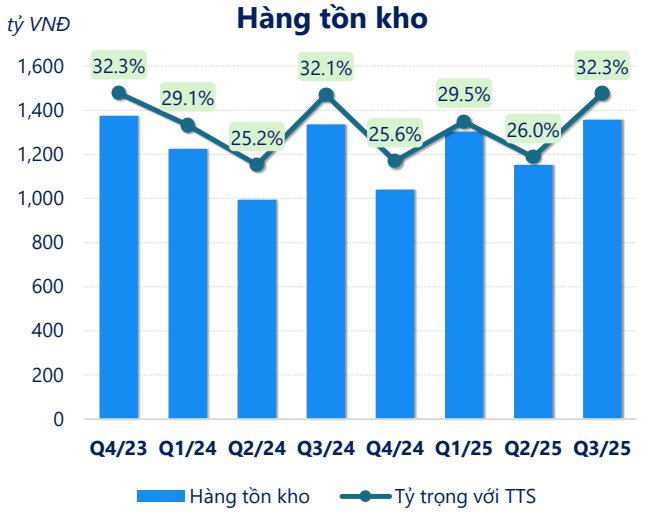
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



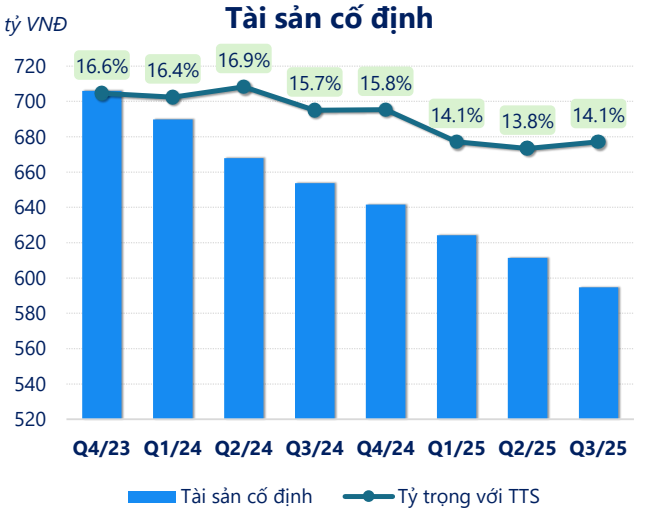
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



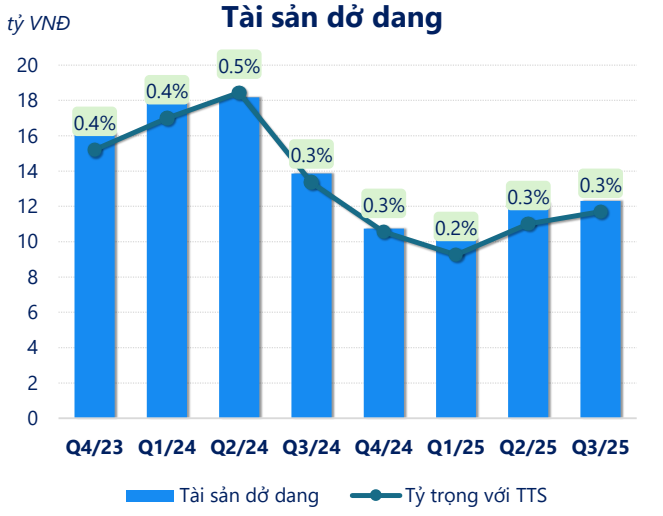
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



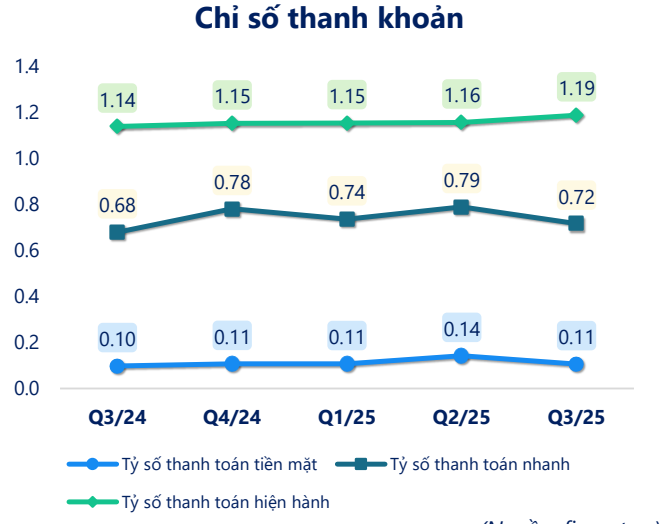
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



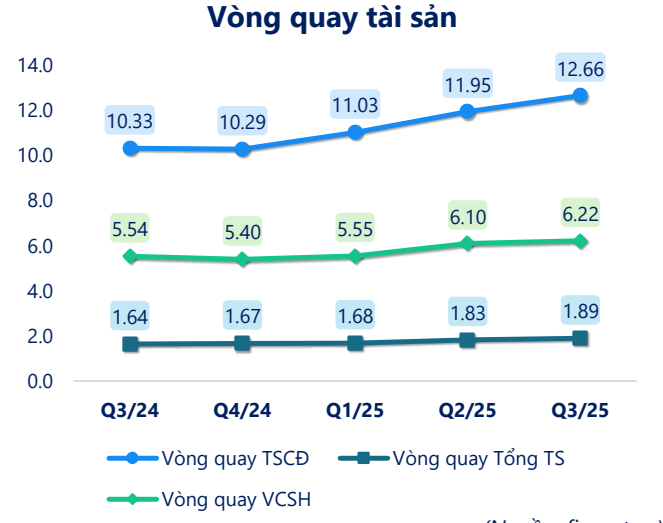
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**4,152**	**4,065**	**4,413**	**4,429**	**4,207**
Tài sản ngắn hạn	**3,306**	**3,225**	**3,594**	**3,625**	**3,423**
Tiền và tương đương tiền	284	301	333	446	307
Đầu tư tài chính ngắn hạn	394	644	590	747	524
Phải thu ngắn hạn	1,241	1,207	1,319	1,249	1,183
Hàng tồn kho	1,335	1,040	1,302	1,151	1,357
Tài sản ngắn hạn khác	53.0	33.7	50.2	31.6	52.6
Tài sản dài hạn	**846**	**840**	**819**	**805**	**784**
Phải thu dài hạn	5.14	5.14	6.25	6.25	6.25
Tài sản cố định	654	642	624	611	595
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	13.9	10.7	10.2	12.2	12.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	173	183	179	175	170
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,918**	**2,816**	**3,132**	**3,150**	**2,899**
Nợ ngắn hạn	**2,902**	**2,798**	**3,114**	**3,133**	**2,882**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,865	1,719	2,149	2,185	2,059
Phải trả người bán ngắn hạn	923	934	810	754	635
Nợ dài hạn	15.9	17.8	17.8	17.4	17.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,234**	**1,250**	**1,281**	**1,279**	**1,308**
Vốn chủ sở hữu	**1,234**	**1,250**	**1,281**	**1,279**	**1,308**
Vốn điều lệ	808	808	808	808	808
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)